

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Chương trình sinh kế cho người dân lưu vực các hồ thủy điện
trên địa bàn tỉnh Quảng Nam đến năm 2025**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Quyết định số 985/QĐ-TTg ngày 16/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chương trình Quốc gia phát triển nuôi trồng thủy sản giai đoạn 2021 - 2030;

Căn cứ Quyết định số 353/QĐ-TTg ngày 15/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt danh sách huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt danh sách các xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Nghị quyết số 06-NQ/TU ngày 04/5/2021 của Tỉnh ủy về tiếp tục đẩy mạnh công tác giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh, giai đoạn 2021 - 2025; Kết luận số 91-KL/TU ngày 14/10/2021 của Tỉnh ủy Quảng Nam về phát triển bền vững nông nghiệp, nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Kế hoạch số 3311/KH-UBND ngày 03/6/2021 của UBND tỉnh triển thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TU của Tỉnh ủy về tiếp tục đẩy mạnh công tác giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021 - 2025; Kế hoạch số 2105/KH-UBND ngày 11/8/2022 của UBND tỉnh về việc thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Quảng Nam, giai đoạn 2021-2025; Quyết định số 2873/QĐ-UBND ngày 25/10/2022 của UBND

tỉnh về việc ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững tỉnh Quảng Nam, giai đoạn 2021-2025; Quyết định số 2889/QĐ-UBND ngày 26/10/2022 của UBND tỉnh về việc ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2022 - 2025;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Công Thương tại Báo cáo số 1796/BC-SCT ngày 03/10/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Chương trình sinh kế cho người dân lưu vực các hồ thủy điện trên địa bàn tỉnh Quảng Nam đến năm 2025, với nội dung chủ yếu như sau:

1. Mục đích, yêu cầu

a) Cụ thể hóa, thực hiện đầy đủ, kịp thời, toàn diện các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp đề ra trong các nghị quyết, chỉ thị, quyết định, chương trình, kế hoạch của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân tỉnh, UBND tỉnh về phát triển kinh tế - xã hội gắn với sinh kế của người dân, nhất là đối với người dân khu vực miền núi, lưu vực các hồ chứa thủy điện.

b) Tăng cường phối hợp đồng bộ của các Sở, Ban, ngành, Hội, đoàn thể, địa phương và cơ quan, đơn vị liên quan trong thực hiện Chương trình. Phân công trách nhiệm cụ thể để các Sở, Ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố, cơ quan và đơn vị liên quan tổ chức triển khai thực hiện đảm bảo tiến độ, chất lượng và hiệu quả đề ra.

c) Việc triển khai thực hiện Chương trình phải quyết liệt, chủ động, thực chất và hiệu quả; việc huy động các nguồn kinh phí phục vụ Chương trình phải đảm bảo hiệu quả, công khai minh bạch, đúng quy định của pháp luật; phải tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, đôn đốc, đánh giá và định kỳ báo cáo kết quả về UBND tỉnh.

2. Mục tiêu

a) Mục tiêu tổng quát:

- Huy động mọi nguồn lực nhằm hỗ trợ, tạo điều kiện cho phát triển sinh kế người dân tại lưu vực các hồ chứa thủy điện, góp phần thực hiện tốt các chương trình mục tiêu quốc gia, các chương trình của Chính phủ triển khai trên địa bàn tỉnh.

- Cùng với phát triển thủy điện, kết hợp đa dạng các loại hình, mô hình phát triển kinh tế, kêu gọi đầu tư để tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội khu vực miền núi, tạo công ăn việc làm, đảm bảo sinh kế lâu dài cho người dân.

b) Mục tiêu cụ thể:

- Năm 2023, mỗi huyện có hồ chứa thủy điện hoàn thành tối thiểu 01 mô hình phát triển sinh kế cho người dân lưu vực hồ chứa thủy điện trên địa bàn tỉnh.

- Năm 2024, mỗi huyện có hồ chứa thủy điện hoàn thành tối thiểu 02 mô hình phát triển sinh kế cho người dân lưu vực hồ chứa thủy điện trên địa bàn tỉnh.

- Đến năm 2025, tất cả các huyện có hồ chứa thủy điện đều có các loại mô hình sinh kế bền vững cho người dân.

3. Nhiệm vụ và giải pháp

a) Nâng cao nhận thức, năng lực cho chính quyền địa phương, người dân, cộng đồng người dân tại các lưu vực hồ chứa thủy điện:

- Tuyên truyền, nâng cao nhận thức về bảo tồn giá trị tài nguyên góp phần phát triển du lịch vùng lòng hồ bền vững:

- + Tuyên truyền, nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường nguồn nước sinh hoạt tại các con sông, suối đổ về hồ chứa thủy điện, ý thức của cộng đồng trong việc bảo tồn giá trị tài nguyên góp phần phát triển du lịch vùng lòng hồ bền vững, bảo tồn đa dạng sinh học và trách nhiệm bảo vệ nguồn lợi thủy sản tại lòng hồ thủy điện; tăng cường công tác phòng ngừa, ngăn chặn có hiệu quả các nguồn gây ô nhiễm môi trường nước ảnh hưởng đến hình thành và phát triển mô hình sinh kế nuôi trồng thủy sản tại lòng hồ thủy điện.

- + Khuyến khích người dân vùng lòng hồ thủy điện bảo vệ môi trường sinh thái và cảnh quan, vì môi trường sinh thái và cảnh quan vùng lòng hồ là tài nguyên du lịch quan trọng để thu hút du khách.

- + Khách du lịch không chỉ có nhu cầu trải nghiệm những vẻ đẹp tự nhiên của điểm đến mà còn mong muốn được khám phá những giá trị độc đáo của truyền thống văn hóa các dân tộc. Do vậy, cần khuyến khích người dân địa phương giữ gìn bản sắc văn hóa của dân tộc mình, vừa góp phần bảo tồn vừa phát huy những giá trị văn hóa tốt đẹp để quảng bá với du khách.

- Hệ thống chính trị ở địa phương (huyện, xã, thôn) cần tăng cường tuyên truyền, vận động người dân tích cực tham gia trong phát triển sản xuất và ổn định đời sống, tránh tư tưởng trông chờ, ỷ lại; cùng với toàn xã hội, không ngừng nâng cao mặt bằng dân trí cho người dân khu vực miền núi, trong đó có người dân tái định cư các dự án thủy điện.

b) Về thủy sản:

- Tiếp tục hỗ trợ phát triển các mô hình nuôi tại các huyện miền núi, đặc biệt là các lòng hồ thủy điện chưa triển khai mô hình nuôi cá lồng bè.

- Thu hút các doanh nghiệp đầu tư liên kết tiêu thụ theo chuỗi giá trị để đầu ra được ổn định bền vững, giúp cho các hộ nuôi an tâm sản xuất và phát triển, ổn định cuộc sống.

- Tăng cường công tác giám sát, dự báo và phòng ngừa dịch bệnh cũng như hướng dẫn kỹ thuật cho người dân xung quanh lòng hồ thủy điện để hạn chế thiệt hại cho người nuôi. Bên cạnh các đối tượng nuôi chủ lực (như cá điêu hồng), cần đa dạng các loại cá nuôi đặc sản có giá trị kinh tế cao như: cá lăng nha, cá chình, cá trắm đen, cá chép giòn, ... nhằm đáp ứng nhu cầu thị trường và phòng ngừa rủi ro.

- Phát triển đồng thời các dịch vụ để hỗ trợ phát triển nghề nuôi cá lồng bè như: Dịch vụ cung cấp cá giống, dịch vụ tiêu thụ sản phẩm, dịch vụ thức ăn và thú y thủy sản, ... Hình thành các tổ hợp tác, hợp tác xã nuôi cá lồng/bè để phát triển các vùng nuôi cá đủ quy mô, số lượng và chất lượng, nâng cao sức cạnh tranh trên thị trường.

- Hàng năm, các địa phương có lòng hồ thủy điện phối hợp với chủ sở hữu, đơn vị quản lý các công trình đập, hồ chứa thủy điện tăng cường thả cá giống để

tái tạo nguồn lợi thủy sản khu vực lòng hồ, ưu tiên thả các loại cá đặc hữu lòng hồ, đồng thời tăng cường công tác kiểm tra, phát hiện và xử lý kịp thời các hành vi khai thác thủy sản vùng lòng hồ thủy điện mang tính hủy diệt như dùng vật liệu nổ, xung điện, ...

c) Về nông - lâm nghiệp:

- Thực hiện tốt công tác giao khoán rừng đến người dân tái định cư thủy điện để người dân có nguồn thu nhập ổn định từ nguồn thu thực hiện Chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng nhằm giảm thiểu tác động vào rừng.

- Đẩy mạnh phát triển kinh tế dưới tán rừng như nuôi gia súc, trồng dược liệu, ... gắn việc sản xuất với việc bảo vệ môi trường rừng môi trường sinh thái; phát triển chương trình lâm nghiệp bền vững, khuyến khích người dân tự nguyện chuyển sang trồng rừng thay thế nương rẫy; trồng rừng sản xuất tại các địa điểm phù hợp với quy hoạch, phát triển nông nghiệp gắn với du lịch trải nghiệm nông nghiệp, nông thôn bản địa.

- Phát triển các mô hình trồng trọt, chăn nuôi phù hợp với điều kiện và lợi thế của từng vùng, từng bước xây dựng hình thành chuỗi liên kết sản xuất, đem lại giá trị kinh tế cao.

- Thực hiện nghiêm túc việc trồng rừng thay thế, đặc biệt là rừng đầu nguồn lưu vực sông của các công trình thủy điện, kiên quyết ngăn chặn xử lý nghiêm dưới mọi hình thức chặt phá rừng đầu nguồn; xây dựng quy chế khai thác bền vững các loại lâm sản phụ ngoài gỗ nhằm tạo thu nhập cho người dân ổn định đời sống, góp phần bảo vệ hệ sinh thái môi trường bền vững.

- Tăng cường tuyên truyền nâng cao nhận thức về môi trường đối với người dân sống gần khu vực thủy điện.

- Thường xuyên theo dõi, hướng dẫn kỹ thuật, nâng cao kiến thức, phương thức tổ chức sản xuất và chuyển giao các tiến bộ KHKT trong chăn nuôi, trồng trọt, hoạt động sản xuất của người dân trong quá trình triển khai các mô hình sinh kế.

- Lòng ghép và triển khai thực hiện hiệu quả Chương trình đầu tư, phát triển vùng đệm tại các khu rừng đặc dụng và sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp tại các cộng đồng giáp các khu rừng phòng hộ trên địa bàn tỉnh Quảng Nam đến năm 2025 theo Quyết định số 1558/QĐ-UBND ngày 09/6/2022 của UBND tỉnh Quảng Nam.

d) Về du lịch:

- Khảo sát, đánh giá tiềm năng, kêu gọi thu hút đầu tư: Tổ chức khảo sát, đánh giá và tìm ra những thế mạnh về du lịch của các lòng hồ thủy điện. Trên cơ sở đó, lập quy hoạch chi tiết gắn với các quy hoạch tổng thể, quy hoạch kinh tế xã hội, quốc phòng an ninh; đảm bảo quy mô về điểm phát triển du lịch được quy hoạch về trước mắt và lâu dài, đảm bảo tính bền vững. Sau đó, đề ra kế hoạch kêu gọi thu hút đầu tư phát triển du lịch gắn với tiềm năng về cảnh quan thiên nhiên vùng lòng hồ thủy điện.

- Xây dựng và phát triển sản phẩm du lịch vùng lòng hồ thủy điện:

- + Đầu tư khai thác các lợi thế trên hồ chứa, phát triển thành sản phẩm du lịch đặc trưng, đa dạng, có nhiều sự lựa chọn cho du khách: du thuyền ngắm cảnh đạo

quanh lòng hồ, tham quan các thác nước, các đảo nổi, đua thuyền kayak, câu cá, đánh lưới, thưởng thức ẩm thực địa phương tại lòng bè thủy điện; phát triển các loại hình du lịch cộng đồng, du lịch thể thao, mạo hiểm, vui chơi giải trí cao cấp trên núi và trên mặt nước,...đảm bảo đúng quy định, vừa để khai thác phát triển du lịch tại chỗ, vừa bảo vệ được môi trường sinh cảnh cho lòng hồ và đảm bảo an ninh, an toàn cho công trình thủy điện, cũng như du khách khi đi du lịch lòng hồ.

+ Khôi phục và phát triển các nghề thủ công truyền thống của cộng đồng dân cư quanh khu vực lòng hồ thủy điện phục vụ phát triển du lịch.

+ Khai thác tối đa yếu tố về đặc điểm địa lý, lịch sử, văn hóa vùng lòng hồ để đưa vào trong những bài hướng dẫn, thuyết minh cho du khách.

- Tăng cường quảng bá xúc tiến, liên kết hợp tác phát triển du lịch:

+ Thực hiện tốt liên kết giữa nhà nước, doanh nghiệp và cộng đồng dân cư để phát triển các loại hình du lịch khu vực lòng hồ thủy điện.

+ Liên kết với các địa phương trong vùng để tạo thành tour, tuyến du lịch đặc sắc thu hút khách.

+ Hợp tác, kết nối với các doanh nghiệp lữ hành, tổ chức các đoàn famtrip, presstrip khảo sát, quảng bá điểm đến.

- Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn nghiệp vụ du lịch cho người dân, doanh nghiệp tham gia khai thác, tổ chức các hoạt động du lịch tại các điểm du lịch lòng hồ thủy điện.

e) Tăng cường công tác quản lý nhà nước tại các địa phương có khu vực lòng hồ thủy điện:

- Hoàn thiện các cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển du lịch, thủy sản, lâm nghiệp, ... vùng lòng hồ thủy điện theo các nguyên tắc và tiêu chí bền vững. Quản lý và kiểm soát chặt chẽ các dự án đầu tư.

- Cần phát huy vai trò của cộng đồng doanh nghiệp và dân cư; nâng cao ý thức bảo vệ môi trường và tài nguyên.

- Để phát triển bền vững, rất cần có sự phối hợp chặt chẽ của tất cả các bên liên quan (cơ quan quản lý nhà nước, người dân, doanh nghiệp....), trong đó vai trò của chính quyền địa phương là thật sự quan trọng.

f) Về kinh phí thực hiện:

- Nguồn kinh phí chủ yếu: Huy động xã hội hóa; các nguồn kinh phí chi phúc lợi, an sinh và hoạt động sản xuất kinh doanh của các đơn vị thủy điện cho chương trình sinh kế người dân lưu vực các hồ chứa thủy điện.

- Các nguồn kinh phí lồng ghép từ các chương trình, dự án khác.

- Nguồn kinh phí hỗ trợ từ ngân sách địa phương và các nguồn kinh phí hỗ trợ hợp pháp khác;

- Tổ chức, doanh nghiệp đóng góp, tài trợ kinh phí thực hiện, triển khai chương trình sinh kế theo quyết định này, có đầy đủ giấy tờ chứng minh việc tài trợ và được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xác nhận thì được hạch toán vào chi phí được trừ khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Sở Công Thương

a) Là cơ quan chủ trì theo dõi, đôn đốc, giám sát việc triển khai thực hiện Chương trình này.

b) Định kỳ và đột xuất (tùy theo tình hình cụ thể) tổng hợp tình hình báo cáo và tham mưu UBND tỉnh sơ kết đánh giá kết quả thực hiện để rút kinh nghiệm, kịp thời tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc và thực hiện tốt hơn trong thời gian tiếp theo.

c) Ưu tiên lồng ghép việc hỗ trợ, phát triển sinh kế cho người dân vào các chương trình khuyến công theo quy định của pháp luật.

2. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

a) Chủ trì, phối hợp xây dựng các mô hình phát triển sinh kế cho người dân lưu vực các hồ chứa thủy điện: trồng rừng, cây dược liệu, nuôi cá lồng bè tại các lồng hồ thủy điện, chăn nuôi, du lịch trên hồ thủy điện, ...

b) Chủ trì, phối hợp với UBND các huyện lựa chọn hỗ trợ 01 mô hình về phát triển sinh kế cho người dân lưu vực các hồ chứa thủy điện để làm mô hình điểm; đánh giá, xem xét nhân rộng trên địa bàn tỉnh.

c) Lồng ghép việc hỗ trợ, phát triển sinh kế cho người dân vào các chương trình, kế hoạch phát triển của ngành; chủ động đề xuất hỗ trợ kỹ thuật, giống, tài chính để người dân có điều kiện phát triển sinh kế.

d) Chủ động rà soát các quy hoạch ngành; xem xét tham mưu điều chỉnh, bổ sung vào các quy hoạch ngành các nội dung liên quan đến sinh kế người dân lưu vực các hồ chứa thủy điện.

3. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan khảo sát các lồng hồ thủy điện trên địa bàn tỉnh có tiềm năng phát triển du lịch; hướng dẫn, hỗ trợ phát triển các sản phẩm dịch vụ du lịch; quảng bá xúc tiến, liên kết hợp tác phát triển du lịch, hình thành tour, tuyến du lịch thu hút khách; tổ chức đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn nghiệp vụ du lịch cho người dân tại các điểm du lịch lồng hồ thủy điện.

b) Phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan trong công tác kêu gọi thu hút đầu tư phát huy tiềm năng du lịch của vùng lồng hồ thủy điện trên địa bàn tỉnh.

4. Sở Tài nguyên và Môi trường

a) Phối hợp với UBND các huyện và Chủ sở hữu, đơn vị quản lý các công trình đập, hồ chứa thủy điện rà soát, đánh giá hiện trạng sử dụng đất vùng bán ngập và trong phạm vi bảo vệ hành lang nguồn nước của các hồ chứa thủy điện phục vụ cho phát triển sinh kế của người dân.

b) Phối hợp với UBND các huyện giải quyết các thủ tục hành chính liên quan đến việc sử dụng diện tích đất vùng bán ngập và trong phạm vi bảo vệ hành lang nguồn nước của các hồ chứa thủy điện cho phát triển sinh kế của người dân theo đúng quy định của pháp luật.

5. Cục Thuế tỉnh

a) Hướng dẫn, hỗ trợ các tổ chức, doanh nghiệp hạch toán chi phí được trừ đối với khoản đóng góp, tài trợ vào Chương trình sinh kế cho người dân lưu vực các hồ chứa thủy điện trên địa bàn tỉnh Quảng Nam đến năm 2025 tại các địa phương thuộc địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định của pháp luật thuế thu nhập doanh nghiệp.

b) Tham mưu, đề xuất các cơ chế, chính sách về miễn, giảm thuế đối với các chi phí khi thực hiện hỗ trợ theo Chương trình sinh kế của các tổ chức, cá nhân.

6. Các Sở, ngành, đơn vị liên quan theo chức năng, nhiệm vụ được giao chịu trách nhiệm phối hợp triển khai thực hiện Chương trình sinh kế cho người dân lưu vực các hồ chứa thủy điện trên địa bàn tỉnh Quảng Nam đến năm 2025 theo đúng quy định của pháp luật; tiếp tục chủ trì, phối hợp thực hiện các nhiệm vụ được giao tại các quyết định của UBND tỉnh về triển khai các Chương trình mục tiêu Quốc gia trên địa bàn tỉnh, chủ động lồng ghép các nguồn vốn thuộc các chương trình, dự án có liên quan để thực hiện Chương trình sinh kế đạt hiệu quả cao.

7. UBND các huyện có đập, hồ chứa thủy điện

a) Thường xuyên tổ chức vận động, tuyên truyền người dân về ý thức, tinh thần và trách nhiệm về phát triển kinh tế gia đình, chuyển đổi mô hình kinh tế hộ gia đình, đảm bảo sinh kế bền vững, lâu dài.

b) Chủ trì, phối hợp với Chủ sở hữu, đơn vị quản lý các công trình đập, hồ chứa thủy điện và các Sở, ngành liên quan rà soát, đánh giá hiện trạng sử dụng đất vùng bán ngập và trong phạm vi bảo vệ hành lang nguồn nước của các hồ chứa thủy điện.

c) Tham mưu đề xuất khả năng sử dụng diện tích đất vùng bán ngập và trong phạm vi bảo vệ hành lang nguồn nước của các hồ chứa thủy điện cho phát triển sinh kế của người dân.

d) Rà soát, tổng hợp các hộ dân thuộc lưu vực các hồ chứa thủy điện và tình hình, nhu cầu của người dân phát triển các loại hình sinh kế trong phạm vi đập, hồ chứa thủy điện; đề xuất các mô hình phát triển sinh kế cho người dân lưu vực các hồ chứa thủy điện; bước đầu tập trung các mô hình, các dự án thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình của Chính phủ triển khai trên địa bàn tỉnh có sử dụng, được phép huy động các nguồn vốn hợp pháp khác, trên các địa bàn đặc biệt khó khăn theo quy định của pháp luật, từ đó phát triển, nhân rộng.

e) Chủ động định hướng và phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT, Sở Công Thương và các chủ hồ, đập thủy điện xây dựng kế hoạch thực hiện các mô hình phát triển sinh kế bền vững cho người dân đảm bảo hiệu quả và sát với nhu cầu thực tế, điều kiện cụ thể của địa phương mình.

f) Chỉ đạo các phòng chuyên môn, đơn vị và các địa phương liên quan của huyện tổ chức triển khai hiệu quả các mô hình phát triển sinh kế bền vững cho người dân phù hợp với đặc thù địa hình, tập quán của địa phương; tham khảo, vận dụng triển khai các mô hình phát triển sinh kế cho người dân lưu vực các hồ chứa thủy điện đảm bảo thiết thực, hiệu quả; theo dõi, hướng dẫn kỹ thuật, nâng cao

kiến thức, phương thức tổ chức sản xuất và chuyển giao các tiến bộ khoa học kỹ thuật trong chăn nuôi, trồng trọt, hoạt động sản xuất của người dân trong quá trình triển khai các mô hình sinh kế.

g) Nghiên cứu xây dựng và đề xuất Đề án phát triển du lịch sinh thái khu vực lòng hồ, gắn với du lịch cộng đồng, văn hoá, lịch sử, làng nghề truyền thống.

h) Lồng ghép việc hỗ trợ, phát triển sinh kế cho người dân vào các chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn; hỗ trợ kỹ thuật, giống, tài chính để người dân có điều kiện phát triển sinh kế.

i) Tổ chức, thành lập hoặc chỉ định cơ quan làm đầu mối tiếp nhận nguồn kinh phí xã hội hóa, các khoản đóng góp, tài trợ hợp pháp cho chương trình sinh kế; xác nhận khoản đóng góp, tài trợ của doanh nghiệp, các tổ chức kinh tế theo mẫu số 07/TNDN ban hành kèm theo Thông tư số 78/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính.

8. Chủ sở hữu, đơn vị quản lý các công trình đập, hồ chứa thủy điện

a) Phối hợp với UBND các huyện và các Sở, ngành liên quan rà soát, xác định lưu vực thủy điện và các hộ dân thuộc lưu vực của từng đơn vị; hiện trạng sử dụng đất vùng bán ngập và trong phạm vi bảo vệ hành lang nguồn nước của các hồ chứa thủy điện.

b) Chủ trì, tăng cường phối hợp hơn nữa với chính quyền địa phương (thôn, bản, xã, huyện) tổ chức triển khai hiệu quả các mô hình phát triển sinh kế bền vững cho người dân phù hợp với đặc thù địa hình, tập quán của địa phương; tham khảo, vận dụng triển khai các mô hình phát triển sinh kế cho người dân lưu vực các hồ chứa thủy điện đảm bảo thiết thực, hiệu quả.

c) Chủ động, thường xuyên phối hợp với các địa phương theo dõi, hướng dẫn kỹ thuật, nâng cao kiến thức, phương thức tổ chức sản xuất và chuyển giao các tiến bộ khoa học kỹ thuật trong chăn nuôi, trồng trọt, hoạt động sản xuất của người dân trong quá trình triển khai các mô hình sinh kế.

d) Tiếp tục thực hiện tốt công tác an sinh xã hội, ổn định đời sống của người dân trên địa bàn; quan tâm, giúp đỡ, hỗ trợ phát triển sản xuất, nâng cao sinh kế cho người dân lưu vực các hồ thủy điện: hỗ trợ xây dựng nhà ở; hỗ trợ cây trồng, vật nuôi, các dụng cụ sinh hoạt, học tập và các nhu yếu phẩm hằng ngày cho bà con, học sinh; hỗ trợ trang thiết bị cho các cơ quan, trạm y tế, trường học,

e) Hàng năm tăng cường hỗ trợ, bố trí nguồn vốn, lồng ghép các nguồn kinh phí từ hoạt động sản xuất kinh doanh cho chương trình sinh kế người dân lưu vực các hồ chứa thủy điện.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 978/QĐ-UBND ngày 13/4/2022 về việc ban hành Chương trình sinh kế cho người dân lưu vực các hồ thủy điện trên địa bàn tỉnh Quảng Nam đến năm 2025.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Công Thương, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Tài nguyên và Môi trường; Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành, Hội, đoàn thể, cơ quan, đơn vị

liên quan; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố liên quan và Chủ sở hữu, đơn vị quản lý các công trình đập, hồ chứa thủy điện căn cứ Quyết định thi hành.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ Công Thương;
- TT TU, TT HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- CPVP;
- Lưu: VT, TH, KTTH, KGVX, KTN.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Hồ Quang Bửu